TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG

****

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21/6/2019
V/vtranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Viết Tâm.

* Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Bà Lưu Thị Tám.

2/. Ông Thiều Hoàng Mới.

Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Tư,Thư ký Toà án nhân dân huyện Kế sách, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 21/6/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số số 107/TLST-HNGĐ ngày 15/03/2019 về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/5/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/5/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1975

Địa chỉ: ấp Mỹ Lợi, xã Hiệp Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn*: Ông **Phạm Văn B**, sinh năm 1974

Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Tất cả đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 14/03/2019, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ctrình bày:Vàotháng 11/1995 bà với ông Phạm Văn B tự nguyện sống chung với nhau, cho đến nay ông, bà không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống, ông bà không có con chung, tài sản chung và cũng không thiếu nợ ai. Ông, bà chung sống với nhau đến tháng 3/1996 cho đến nay thì không ở chung nữa. Nay bà yêu cầu Tòa án không công nhận bà với B là vợ chồng.

-Tại phiên tòa, ông Phạm Văn B trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà C.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C và ông Phạm Văn B đều thừa nhận ông, bà tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 11/1995 đến tháng 3/1996 thì chia tay, không ở chung nữa, cho đến nay ông, bà không có đăng ký kết hôn. Việc thừa nhận giữa các đương sự là sự thật,là tình tiết, sự kiện không phải chứng minhquy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Theo quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 thì trường hợp *"nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết; từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng".* Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Nam, nữ có điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng".* Vì vậy, việcbà Nguyễn Thị C yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với B là có cơ sở và đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4]Về con chung, tài sản chung, nợ chung:BàNguyễn Thị C và ông Phạm Văn Btự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:Bà Nguyễn Thị C phải chịu là 300.000 đồng theo khoản 4 Điều 147Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm akhoản5Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C.

1/. Về quan hệ vợ chồng:Không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị C và ông Phạm Văn B là vợ chồng.

2/. Về con chung,tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Cvà ông Phạm Văn Bkhông yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Cphải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0006557 ngày 14/03/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Bà C đã nộp xong án phí sơ thẩm.

4/. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thạch Viết Tâm